

# HẠNH PHÚC VÀ TRÁCH NHIỆM TRONG HÔN NHÂN



Một số ít trong các con chỉ mới mười bốn, mười lăm tuổi, có thể chưa có ý thức nhiều về vấn đề hôn nhân. Nhưng chỉ sau vài ba năm, thì chuyện cần đến cũng sẽ đến. Thế hệ của sư ông, ông bà và cha mẹ các con ngày xưa thì khác, so với thế hệ các con bây giờ thì sự hiểu biết về quan hệ, giới tính nam nữ nói chung hoặc nghiêm túc hơn là vấn đề hôn nhân trong cuộc sống, trở thành một vấn đề hết sức quan trọng.

Đức Phật có bốn hạng đệ tử:

- Thứ nhất là giới xuất gia, người nam gọi là tỳ-khưu, người nữ là tỳ-khưu-ni. Gọi tắt là tăng ni.

- Thứ hai là hàng Phật tử tại gia cư sĩ, gọi là thiện nam tín nữ như người ta hay gọi hoặc là Phật tử tại gia, cư sĩ tại gia. Nói một cách rõ nghĩa, thì đó là những người gần gũi Tam Bảo cho nên gọi là cận sự nam đối với nam giới và cận sự nữ đối với nữ giới. Hầu hết người nam, người nữ cư sĩ tại gia sớm hay muộn đều sẽ lập gia đình, cũng có trường hợp không nhưng rất ít.

Như vậy, vấn đề hôn nhân là một vấn đề đi liền với cuộc sống của người Phật tử tại gia. Chúng ta cần phải biết rõ, biết đủ về nó để có cách ứng xử phù hợp, thì mới giảm thiểu được những bất ổn, mâu thuẫn và thậm chí đổ vỡ. Không khó khi hàng ngày các con nghe tin tức trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc các trang mạng xã hội, có thể ngay chính cha mẹ người thân, hàng xóm,... của mình truyền tai nhau hoặc thông tin cho nhau biết về những vấn đề đổ vỡ hôn nhân trong xã hội đương đại.

Đối với thế hệ trước, hôn nhân do cha mẹ định sẵn, cụ thể tại nước ta và những nước chịu ảnh hưởng của Nho giáo Trung Quốc, thường đặt nặng vai trò của người đàn ông theo chế độ phụ hệ và xem trọng vấn đề truyền giống, kế thừa đời sau. Cha mẹ người nam (người chồng) đi tìm đối tượng phù hợp với con trai của mình để gây dựng đời sống hôn nhân cho con cái. Hôn nhân được xếp đặt từ người lớn đôi khi con cái không hay biết gì, nhưng khi về sống chung với nhau một thời gian, làm quen dần và cuối cùng thì chấp nhận nhau. Ở đây sư ông không mở rộng ra các nước khác, mà đề cập đến quan niệm xưa về Nho giáo tại nước ta vì có liên hệ thiết cốt đến vấn đề hôn nhân trong quan điểm của người Việt xưa và nay, liên hệ mật thiết đến sự hiểu biết của các con sau này khi dần thân vào cuộc sống gia đình. Theo quan điểm đó, chuyện ly dị, ly thân và ly hôn không được chấp nhận.

Người phụ nữ nào bị nhà chồng trả về nhà cha mẹ hay dòng tộc của mình (hồi tôn) sẽ là một nỗi nhục lớn hoặc thậm chí là tai họa lớn đối với gia đình nhà gái. Lý do bị gửi trả có thể do người phụ nữ đã phạm lỗi lầm trong ứng xử, cách sống đối với gia đình chồng hoặc người chồng. Một số trường hợp có thể do oan khuất, bị chèn ép. Có nhiều phụ nữ quyên sinh, tự vẫn, hoặc có người bỏ xứ đi biệt không bao giờ quay lại. Rất ít phụ nữ phản kháng lại tập quán từ lâu đời của xã hội.

Để hiểu biết về hôn nhân cùng những vấn đề cần thiết cho thế hệ của các con, cần phải có nhận thức đúng mức và đầy đủ về hôn nhân, trong đó chính là hạnh phúc và trách nhiệm. Khác xa hôn nhân sắp đặt sẵn của cha mẹ vào thế hệ trước, dù tạo sự ổn định cho xã hội nhưng vẫn còn mặt hạn chế là không phát triển được những mặt tốt đẹp và thân phận của người phụ nữ “*như chiếc bóng đi bên cạnh chồng*” từ năm này qua năm khác. Xã hội tự do hiện nay có nhiều điều kiện để phát triển hơn.

Các con đều đã được quy y nên cần biết điều thứ ba trong *Năm nguyên tắc sống lành mạnh (Ngũ giới)*. Đó là: Học để biết hôn nhân là gì, để tôn trọng và bảo vệ hôn nhân của bản thân và của người khác theo pháp luật.

## 1. Khái niệm về hôn nhân.

Hôn nhân được hiểu như một khế ước xã hội (từ Hán Việt). “Khế ước xã hội” là một học thuyết mô tả việc con người cùng thỏa thuận từ bỏ trạng thái tự nhiên để xây dựng cuộc sống cộng đồng. Dễ hiểu hơn, đó là được sự cam kết giữa hai bên hoặc nhiều người, về việc từ bỏ trạng thái không bị ràng buộc, tự do trước đó, để góp phần xây dựng cuộc sống hoặc các hoạt động xã hội mang tính cộng đồng. Là một giao kết mang tính vừa tự nguyện và vừa chế định của xã hội, cùng nhau cam kết để thực hiện một số vấn đề. Khi bị ràng buộc khế ước, sẽ phải chấp hành một số nội dung và bị hạn chế tự do của mình.

Chẳng hạn trong hôn nhân, khi hai người cam kết chung sống với nhau thì phải từ bỏ trạng thái tự do, muốn làm gì thì làm trước kia. Thay vào đó, đi làm xong phải về nhà đúng giờ, làm việc gì thì nửa kia cũng có thể được biết.

Hoặc ví dụ hợp đồng mua bán giữa hai bên, đây là một dạng khế ước khác. Hai bên cam kết với nhau rằng sản phẩm bán ra được bao nhiêu, thời điểm để giao hàng, thời gian bảo hành bao lâu và chất lượng như thế nào, đi kèm với đó là rất nhiều nội dung khác được cam kết gọi là khế ước xã hội.

Quay về vấn đề chính, vậy khế ước hôn nhân là gì? Với người Việt chúng ta nói riêng hoặc xã hội

đương đại nói chung, vấn đề hôn nhân là một khái niệm mới chưa xa so với lịch sử loài người, mà về mặt văn bản nó là giấy chứng nhận hôn ước của hai bên. Ở Việt Nam khoảng đầu thế kỷ XX, chúng ta đã có nhà nước pháp quyền. Tờ giấy đăng ký kết hôn ra đời thì giữa người nam và người nữ (là chồng và vợ) mang tính ràng buộc pháp lý, còn trước đó là không. Trước khi hệ thống hành chính đương đại ra đời, để mang tính pháp lý ràng buộc giữa hai người thì xã hội loài người trải qua nhiều giai đoạn:

Tùy theo cộng đồng xã hội mà có thể có các tập quán được người khác mặc định sẵn. Giống như thời Nho giáo đang chi phối xã hội, gia đình bên chồng đi tìm một cô gái, khi tìm được rồi hai bên gia đình thống nhất ngày giờ, địa điểm để làm lễ hỏi, ra mắt, sau đó (giống như đặt cọc) cheo cưới, cuối cùng mới tiến hành hôn lễ. Có chín bước nghi lễ khác nhau được tiến hành theo quy định của Nho giáo ngày xưa cho một cuộc hôn nhân. Ở một số vùng của dân tộc đôi khi lại khác, bước tiến hành ít hơn. Như xã hội mẫu hệ thì chính bên nhà cô gái phải tìm chồng, bỏ tiền ra để cưới hỏi đưa người chồng về. Nhưng rõ ràng dù bằng cách nào, cả hai bên đều phải có một nghi thức ra mắt cộng đồng, trừ một số trường hợp rất ít không có lễ cưới vì không có người thân hoặc quá nghèo. Còn hầu hết khi muốn xã hội công nhận thì phải làm một lễ ra mắt, người ta hay gọi lễ cưới. Tức

là nghi lễ trình diện với người thân của mình hay cộng đồng chỗ mình đang sống (tùy theo dân tộc) đến để chung vui, để giới thiệu người vợ, người chồng của hai bên. Phải có nghi thức ra mắt cộng đồng như thế thì tính pháp lý cộng đồng mới công nhận, còn trường hợp nếu ai chưa ra mắt thì chưa được xem là vợ là chồng của người kia.

Nó còn được hiểu là nghi lễ tập quán của các cộng đồng người hoặc tôn giáo khác nhau. Chẳng hạn, với một số tôn giáo như Thiên Chúa giáo, Công giáo hoặc Tin Lành, nếu chưa làm lễ ở nhà thờ thì không được xem là vợ chồng chính thức. Và như Sư ông biết ở các nước phương Tây, thì trước khi đến làm giấy chứng hôn ở các cơ quan công quyền thì người ta phải tổ chức nghi lễ tôn giáo ở nhà thờ hoặc ở nhà chùa, tùy theo tôn giáo mà hai người đang theo. Phải có chứng nhận từ tôn giáo trước, sau đó là giấy chứng hôn từ cơ quan công quyền, thì người ta mới chấp nhận. Chưa có chứng nhận của tôn giáo thì cơ quan công quyền chưa chấp nhận. Đó là tập quán ứng xử của người ta. Họ dựa trên quan điểm rằng một người không có tôn giáo thì về đạo đức không đáng tin cậy. Cho nên phải làm lễ hoặc phải có chứng nhận ở tôn giáo mình tin theo thì người ta mới chứng nhận hôn ước của hai bên là hợp pháp. Còn ở đất nước chúng ta không ràng buộc điều đấy, mà người ta chỉ cần hai vợ chồng và vẫn được pháp lý công nhận.

Thậm chí có vài trường hợp người nam người nữ thương nhau nhưng bố mẹ không đồng ý, nên đi địa phương khác xin làm giấy kết hôn. Một số tập quán gia đình hoặc dòng tộc khác thì không cho phép con cái tự do kết hôn.

Tóm lại, hôn nhân có khế ước thì ít nhất về mặt pháp lý được cộng đồng tôn trọng. Nó phải dựa trên sự đồng tình chấp thuận của cộng đồng, hoặc thông qua văn bản giấy tờ được xã hội chính quyền, cộng đồng ở nơi đó đã quy ước, thì như vậy mới được xem là hôn nhân hợp pháp.

Đó là các khái niệm về khế ước xã hội vì hôn nhân được hiểu như một khế ước. Và khế ước đó được hiểu rộng từ các tập quán, các thói quen, các quy ước của tôn giáo, của cộng đồng xã hội ngày xưa cho đến xã hội ngày nay. Tức là thông qua tòa án, hoặc sự chứng nhận của chính quyền địa phương thể hiện qua tờ giấy kết hôn.

## **2. Mục đích của hôn nhân.**

Theo lịch sử, có một nhà hiền triết thời cổ Hy Lạp, vào mỗi buổi sáng thức dậy trước khi ra khỏi nhà để gặp nhóm đệ tử của mình, ông được vợ chuẩn bị điểm tâm bằng những lời chửi rửa. Từ sau khi cưới bà về, sáng nào cũng thế, bà sẽ chửi liên tục và có rất nhiều cố để chửi ông. Riêng ông thì chăm chú lắng nghe vợ không một lời cãi lại. Nhà hiền triết này có

tính sợ vợ. Có một người đệ tử thắc mắc hỏi: “Vì sao sáng nào bà ấy cũng chửi mà thầy chịu được?” Nhà hiền triết trả lời: “Vì bà ấy là người thầy lớn của ta. Từ bà, ta học được đức tính nhẫn nại, chấp nhận những quan điểm khác nhau và lắng nghe.” Và quả thực, có những lúc bà bệnh không chửi được thì hôm ấy khi ông gặp các học trò mặt ông buồn bã. Đám học trò đoán biết ngay bà ở nhà bị bệnh và ông thầy cho biết, sáng nay không được nghe chửi nữa. Như các con thấy đó, một ông chồng như vậy thì trong gia đình đó không có chuyện cãi vã hay bạo lực, vì bà nói nặng cỡ nào, rủa bao nhiêu thì ông cũng lắng nghe và chịu đựng được hết. Nói theo ngôn ngữ kiếm hiệp thì đó là “vô chiêu thắng hữu chiêu” - bà tung bao nhiêu đòn ông đều không phản ứng. Đây là câu chuyện vui, nhưng đáng để chúng ta học hỏi trong cuộc sống vợ chồng mà các con rồi sẽ gặp sau này.

Trở lại mục đích của hôn nhân là gì? Ở xã hội xưa dù phương Đông hay phương Tây, đều giống nhau ở chỗ này:

- Thứ nhất, là truyền giống nối dõi, để có thể hệ kế thừa, dù đó là phụ hệ hay mẫu hệ.

- Thứ hai, một người làm việc thì khó khăn, nếu có thêm người phụ giúp sẽ đỡ dần nhau và của cải sẽ nhiều hơn, cho dù đó là việc gì. Chính vì để phát triển nhân lực mà không tốn hao thì chỉ có lập gia đình và sinh sản. Ngày xưa việc sinh sản không giới hạn.



Không nói đâu xa, ở thế hệ của sư ông chẳng hạn. Thời của sư ông, bố mẹ sinh ra, nếu còn sống đầy đủ thì hơn mười người con, nhưng vì nhiều lý do nên chỉ còn năm, sáu người. So với thế hệ hiện nay thì như vậy cũng đã quá nhiều vì mỗi gia đình bây giờ chỉ được sinh hai đứa con.

Đó là hai mục đích cụ thể của các cuộc hôn nhân ngày trước.

Xã hội ngày nay với quan niệm sống mới, mối quan hệ, nghề nghiệp cũng khác. Hồi xưa chỉ có một số nghề để người ta tạo ra của cải vật chất như: trồng lúa, trồng khoai, trồng đậu, đi rừng kiếm mật ong, kiếm nấm, đốn gỗ,... Bây giờ thì nghề nghiệp đa dạng hơn và thay đổi nhanh hơn. Có thể hôm nay ngành nghề này đang được mọi người xem trọng, thi nhau đi học để đi làm và sau đó vài ba năm, năm bảy năm lại biến mất. Trước đây vài chục năm người ta hay nghe nhạc bằng đĩa than hay băng cát-sét nhưng hiện tại không ai dùng đến nó nữa rồi. Thời Pháp thuộc ông bà chúng ta không biết máy vi tính là gì, đa số phải thuê người để đánh văn bản nhưng nay thì nghề này đã không còn vì mọi người đều có thể tự sử dụng máy vi tính để làm văn bản và in ra. Nghề chụp hình dạo trước đây rất đắt khách, ngày nay bất cứ ai cũng có thể thành nhiếp ảnh gia chỉ với một chiếc điện thoại. Do ngành nghề ngày càng phong phú đa dạng, xã hội

thay đổi liên tục khiến nhiều phương diện khác của đời sống cũng bị ảnh hưởng theo không ít.

Hôn nhân trong xã hội hiện đại cũng vậy, không còn giống như xưa. Mục đích cơ bản của hôn nhân là để giữ nòi giống thì vẫn còn một số giá trị. Tuy nhiên, một số người trẻ ngày nay không còn quan trọng chuyện đó nữa, đôi khi không quan tâm chuyện lập gia đình, mặc kệ cha mẹ ông bà đốc thúc. Ngày xưa theo quan niệm Nho giáo, đàn ông không có con trai nối dõi thì trong các tội bất hiếu, đó là tội đứng đầu. Bây giờ quan niệm sinh con nhiều để giữ của cải vật chất hoặc làm ngành nghề thì liệu có còn phù hợp không? Ví dụ, một công ty gồm rất nhiều chi nhánh, nhưng việc điều hành hoạt động chỉ cần có ba người: Một là chỉ đạo, lập kế hoạch; Hai là thư ký kiêm thủ quỹ; Ba là giám sát, kiểm tra. Còn lại chỉ cần thuê nhân viên. Thông qua ba người đó họ sẽ nắm bắt tình hình và quản trị công ty. Cho nên mục đích ngày xưa của hôn nhân so với bây giờ trở thành lạc hậu, không phù hợp nữa.

Có thể nói, mục đích hôn nhân hiện tại là có một người bạn đời để chia sẻ. Bố mẹ cũng chỉ có thể sống với mình khoảng được mười, hai mươi năm là nhiều. Trong cuộc sống hôn nhân, người bạn đời thật sự có thể chung sống đến ba mươi, năm mươi năm với nhau. Vì đó là vấn đề lâu dài, nên người ta cần kiếm những gì thích hợp với mình thì mới có thể chung sống được.

Còn trường hợp hai người có hợp với nhau hay không đó là tùy theo quan điểm của mỗi người.

- Thứ nhất, là tâm hồn hòa hợp, có như vậy mới chấp nhận những khiếm khuyết của hai bên. Ví dụ: người vợ thích xem phim tình cảm, người chồng thích xem phim xã hội. Nhưng mà hai bên do hòa hợp tâm hồn (chứ không phải sở thích) nên họ vẫn sống với nhau được. Hoặc ví dụ khác, người vợ nói nhiều còn người chồng thì chỉ lắng nghe, ít nói nhưng tâm hồn lại hòa hợp. Còn một khi không hòa hợp được, một khiếm khuyết của đối phương sẽ trở thành vấn đề lớn đối với người còn lại. Vì vậy, đời sống vợ chồng trước hết là tâm hồn phải hòa hợp, biết nhường nhịn, bao dung cho nhau vì khi đã lấy nhau rồi thì rất nhiều khiếm khuyết sẽ xảy ra. Hôm qua Sư ông nói đùa rằng, người ta mới quen nhau thì người ta đóng kịch giỏi lắm. Giống như diễn viên sân khấu, làm sao cho đẹp, nói năng sao cho hay ho, văn vẻ, thùy mị, dịu dàng hoặc là mang hình tượng anh hùng. Nhưng về tới nhà “đầu hôm sớm mai” coi chừng “thượng căng tay hạ căng chân”, ngôn ngữ nói năng như đã mất rồi mà chỉ còn các thể hiện chân tay. Khi đó bị kịch rất dễ xảy ra. Những mâu thuẫn từ chuyện nhỏ dẫn đến chuyện lớn bắt đầu hình thành và hôn nhân sẽ đổ vỡ.

- Thứ hai, là để hưởng thụ lạc thú của đời sống vợ chồng. Đó cũng là một trong những mục đích chính của việc kết hôn.

- Thứ ba, là vấn đề con cái. Cùng chung ý định, mục tiêu là chung sức nuôi dạy, giáo dục và chia sẻ về con cái. Vì là bạn đời, ta phải luôn luôn sát cánh với nhau không trốn tránh trách nhiệm, nghĩa vụ.

Trên đây là một số mục đích khác nhau của hôn nhân đương đại chúng ta cần phải biết. Đi vào hôn nhân có hai vấn đề chính chúng ta phải nắm, không ai lập gia đình để đau khổ, mà là lập gia đình để sung sướng và hạnh phúc.

### **3. Khái niệm về hạnh phúc và trách nhiệm.**

- Thứ nhất, là mưu cầu hạnh phúc (hạnh phúc lứa đôi). Không có hạnh phúc nào từ trên trời rơi xuống để cho mình hưởng, cũng không có của cải được cho không bao giờ. Khi ai đó cho mình thứ gì, dụng ý mình phải đáp trả lại bằng thứ khác. Không ai giúp mình không công, trừ những người thật sự hy sinh hay thương yêu mình như cha mẹ, bạn đời.

Hạnh phúc là gì? Là trạng thái mang cảm xúc chủ quan do được thỏa mãn một nhu cầu nào đó. Và hạnh phúc chỉ có trong tình cảm của con người. Động vật không có cái này. Với loài vật, nó chỉ mang ý nghĩa thỏa mãn sinh lý và vật lý. Còn hạnh phúc theo định nghĩa này là cảm xúc, cảm nhận chủ quan của con người, nằm ở tầng cao hơn. Đó là định nghĩa chung.

Bây giờ đi sâu hơn. “Hạnh” trong chữ Hán, cùng một chữ viết nhưng có ba cách đọc với ba nghĩa khác

nhau, đó là: “hạnh”, “hành”, và “hăng”. Hạnh là phẩm tính, đức hạnh, công hạnh, nét hạnh mang tính chất tốt đẹp. Hành là hành động, hành vi, hành sự. Hăng là nơi sản xuất, cung cấp ra một cái gì đó cho xã hội. Nhưng ba nghĩa này đều đặt nền tảng cho một nghĩa chung, đó là *việc làm, hành động, tạo tác*. Ví dụ thương người, thương vật, giúp đỡ mọi người,... ta gọi là người có đức hạnh. Hành thì rõ ràng là ứng xử, hành động trong cuộc sống. Còn “hăng” thì nơi đó cũng phải sản xuất ra cái gì, có hành động tạo nên,...

Chữ “phúc” trong chữ Hán được tạo nên bởi bộ thủ là chữ “kỳ” hoặc chữ “thị” nhằm để sắp xếp theo nhóm, liên hệ một nghĩa chung về tạo từ. Còn các bộ thủ tạo nên chữ “phúc” gồm: trên là chữ “nhất” nghĩa là số một, giữa chữ “khẩu” nghĩa là cái miệng, cuối là chữ “điền” nghĩa là đám ruộng. Về ý nghĩa: “một cái miệng ăn cả một thửa ruộng”. Một cái miệng mà được cung cấp cả một thửa ruộng vào ngày xưa được xem là quá nhiều. Cho nên từ “phúc” ở đây có nghĩa là cái gì đó nổi trội, có nhiều hơn người khác. Người xưa thường nói “có phúc con” nghĩa là nhà nhiều con, “có phúc cửa” là nhà nhiều của cải vật chất tiền bạc, “có phúc lộc” tức là được may mắn về của cải, tài vật hoặc “có phúc quan” là thăng tiến làm quan.

Trong Phật giáo có bài kinh Hạnh Phúc (Maṅgala sutta), trong đó đức Phật dạy lần lượt có đến 38 hành vi và nhận thức để giúp một người được

hạnh phúc: từ hạnh phúc của đời sống thế tục đến hạnh phúc của đời sống giác ngộ, giải thoát. Đoạn đầu tiên của bài kinh đức Phật dạy:

*Không gần gũi kẻ ác.*

*Thân cận bậc trí hiền.*

*Kính lễ người đáng lễ.*

*Là phúc lành cao thượng.*

Vậy việc đầu tiên muốn hạnh phúc là không giao du, làm bạn với những người xấu, người ác, người rủ rủ ta làm chuyện sai trái. Điều đó giúp tránh được hậu quả không tốt do thân cận với bạn xấu. Thứ đến, “*Thân cận bậc trí hiền*” là gần gũi, kết thân với những người có đạo đức, sáng suốt, đáng để mình học hỏi, để được chỉ bày hoặc lắng nghe được những lời dạy khôn ngoan từ các vị ấy để điều chỉnh lại đời sống mình tốt đẹp hơn. “*Kính lễ người đáng lễ*” là đối với các bậc thầy, cha mẹ, các bậc tiền bối, ông bà, những người đáng kính, mình luôn luôn thể hiện lòng biết ơn, kính trọng. Đó là hành vi ứng xử mang hạnh phúc cho chúng ta.

Bài kinh này đức Phật đã giảng dạy rất nhiều về hành vi, việc làm mang đến hạnh phúc cho những người thực hành nó. Như thế trong ý nghĩa hạnh phúc của Phật giáo lẫn Nho giáo, đều cung cấp cho chúng ta một nội hàm chung nhất, đó là “cần phải tạo nên hạnh phúc”. Hạnh phúc không phải từ trên trời rơi

xuống, mà được tạo nên bởi chính người thực hiện những hành động, việc làm tốt đẹp nên gặt hái được phước báu tốt đẹp.

- Thứ hai, là trách nhiệm. Các con có hiểu bồn phận và trách nhiệm là gì không? Với chữ Hán từ “phận” là cái phần, còn từ “bồn” là thân này, là chính mỗi người. Vậy bồn phận là gì? Chính là việc mình nên làm, cần làm, phải làm. Còn trách nhiệm là gì? “Trách” trong từ Hán có nghĩa là đòn gánh, là phải gánh gồng mang vác. Từ “nhiệm” khi đi với “trách” có nghĩa là cái mình phải gánh vác, cái mình phải đảm đương, cái mình phải đối diện và giải quyết nó. Ngoài hạnh phúc, hai người còn phải có trách nhiệm về cuộc hôn nhân của mình. Khi nói về trách nhiệm thì gồm các loại đối tượng: Thứ nhất là người vợ hay người chồng; Thứ hai là con cái; Thứ ba là cha mẹ hai bên; Còn riêng với dòng tộc là đối tượng thứ tư.

#### **4. Hạnh phúc và trách nhiệm trong hôn nhân.**

Các con đã biết hạnh phúc không phải món quà từ trên trời rơi xuống hay tình cờ chúng ta nhặt được bên lề đường. Điều này càng đúng hơn khi bàn về hạnh phúc trong hôn nhân gia đình. Hạnh phúc đời sống hôn nhân được xây dựng, vun vén, bồi đắp, nuôi nấng bởi bàn tay, thái độ ứng xử trong quan hệ tình cảm của cả người vợ lẫn người chồng, không phải chỉ từ một phía. Nói cách khác hạnh phúc chỉ có thể tồn

tại, phát triển bền chặt keo sơn khi đi kèm theo ý thức cao về trách nhiệm của người chồng cũng như người vợ. Thêm nữa, ý thức về các trách nhiệm ấy phải xuất phát từ khối óc lẫn con tim, từ lý trí và tình cảm của mỗi người đối với bạn đời và con cái, cũng như đối với cha mẹ, họ hàng thân thích của cả hai bên. Biên độ của phần trách nhiệm này, gọi tên chính xác là “nghĩa vụ”, rộng hay hẹp tùy vào từng tập quán, văn hóa của quốc gia, của vùng miền đó. Đó là cái nhìn tổng quan về hạnh phúc và trách nhiệm đối với hôn nhân.

Sau đây là diễn tiến của một cuộc hôn nhân như thường thấy. Đầu tiên là người ta đến với nhau từ tình yêu (Ngày nay, đa phần người ta đến với nhau vì tình yêu, chứ không còn bị gia đình, xã hội áp đặt như xưa). Sau một thời gian chung sống với nhau thì tình yêu phai nhạt dần, chỉ còn nghĩa. Đó là nghĩa vợ chồng, nghĩa vụ với con cái, nghĩa vụ đối với gia tộc, cha mẹ hai bên. Đây là tiến trình tất yếu mà chúng ta không thể đi ngược lại. Không thể có tình cảm vợ chồng mặn nồng như thuở đầu mới gặp sau khi đã chung sống cùng nhau hai, ba mươi năm. Các con thử về hỏi ông bà cha mẹ, chắc chắn sẽ có câu trả lời rằng đó là tiến trình lên đỉnh cao rồi tụt dốc xuống. Nhưng vì sao còn duy trì được? Vì những người trong cuộc ý thức được tình, nghĩa, trách nhiệm nên cố gắng nuôi dưỡng nó. Vì vậy mà tổ hợp gia đình vẫn còn giữ trong chừng mực nào đó.



Sau khi đi một vòng với các ý nghĩa nội hàm cần để hiểu, bây giờ chúng ta xem đức Phật dạy cho các Phật tử trong cuộc sống hôn nhân nên làm cái gì, cụ thể người chồng, người vợ sẽ làm gì đối với bạn đời của mình? Đức Phật đã dạy thế này, trong đạo vợ chồng muốn có hạnh phúc lâu dài thì trong vai trò người chồng (người đàn ông) phải có những ứng xử với vợ như sau:

- *Thứ nhất*, phải nói năng hòa nhã với vợ, không dùng ngôn ngữ bằng tay chân, không xem thường vợ, đặc biệt khi trước mặt người khác, trước mặt con cái, bố mẹ hai bên, bạn bè hoặc là trước mặt hàng xóm láng giềng. Cái hòa nhã xuất phát từ tôn trọng lẫn nhau. Cho dù vợ mình có khiếm khuyết gì đó, nhưng mà người đó vẫn là vợ của mình, là mẹ của các con, cho nên phải có tôn trọng trong chừng mực, muốn thể hiện sự tôn trọng nhau thì phải nói năng hòa nhã, dễ nghe. Không có ai, dù là một đứa bé lại thích nghe người khác chửi bới, hạ nhục, xem thường mình. Huống chi đó là bạn đời chung sống với nhau năm này qua năm khác. Do vậy, cái thể hiện đầu tiên của người chồng đối với người vợ là phải nói năng hòa nhã.

- *Thứ hai*, không tỏ ra khinh thường, xem thường vợ dù khi ở trước mặt hai bên với nhau hoặc khi không có mặt vợ. Không nên chỉ cố ý tỏ ra tôn trọng nhau trước mặt, nhưng khi người đó vắng mặt thì sẵn sàng lôi những khuyết điểm, nhược điểm hoặc

những hành vi, thói quen không tốt đẹp nói cho người khác biết. Có người chồng còn thể hiện điều đó trước mặt con cái hay cha mẹ, những người như vậy chắc chắn sẽ thất bại trong hôn nhân, không thể nào có tình yêu, sự kính trọng của vợ và con cái.

- *Thứ ba*, khi bước vào hôn nhân rồi thì đây là một quy ước, nếu làm khác đi thì nó là một trong những nguyên nhân sinh ra đổ vỡ. Đó là không ngoại tình. Người đàn ông không được ngoại tình, phải biết kiềm chế dục vọng của mình. Trước khi chưa có gia đình thì mình có thể tư tưởng, suy nghĩ về nhiều người khác giới, nhưng khi đã kết hôn thì mọi hành động, suy nghĩ liên hệ đến người không phải vợ mình, cần phải khôn khéo chấm dứt. Nếu người vợ phát hiện được, chắc chắn bị tổn thương. Hầu hết, tình cảm đều mang tính chủ quan và ích kỷ nên không thể nào rộng lượng và vị tha. Cho nên về mặt tâm lý người chồng và cả người vợ đều phải biết điều này, ngoại tình chính nguyên nhân chính dẫn đến đổ vỡ hôn nhân.

- *Thứ tư*, người chồng phải giao quyền quản lý điều hành trong nhà cho vợ. Nếu người chồng làm công việc kiếm ra tiền hoặc làm kinh tế để nuôi sống cả nhà thì công việc nội trợ, điều hành quản lý gia đình nên giao cho vợ. Tránh trở thành loại chồng hằng ngày phát viện trợ cho vợ, không tin tưởng vợ, tính toán với vợ. Ví như tính bó rau mấy đồng, miếng đậu mấy xu, mua một chai dầu ăn hết mấy tiền,... những

người chồng đó không thể nào tạo được hạnh phúc trong gia đình. Muốn sống với nhau lâu dài tốt đẹp thì người chồng phải có cách ứng xử phù hợp. Trong trường hợp người vợ là người làm ra kinh tế nuôi sống gia đình, thì trách nhiệm trong gia đình người chồng đảm đương. Nói cách khác ai đi bên ngoài thì lo việc bên ngoài, ai ở nhà thì lo việc nhà, phân định công việc rõ ràng về mặt điều hành, quản lý thì mới chu tất được việc nhà, việc cơ quan, công ty,... và tin tưởng nhau được. Không ai làm tốt được cả hai. Nếu mà ai kiêm nhiệm được cả hai thì một thời gian sau cũng dễ bị áp lực rồi cũng xảy ra chuyện.

- *Thứ năm*, đây là một ứng xử tế nhị mà người chồng phải biết: Những dịp như sinh nhật của vợ, ngày lễ tôn vinh phụ nữ, ngày kỷ niệm của riêng hai người, hoặc là mình đi đâu xa về hoặc vợ đi đâu xa về, thì người chồng nên thể hiện sự chăm sóc đặc biệt vợ để tình cảm hâm nóng lại. Nó là chất liệu bồi đắp thêm để duy trì cuộc sống gia đình đầm ấm. Có thể chỉ là món quà nhỏ, giá trị vật chất không lớn nhưng tình cảm trong đó lớn đủ để giữ tình cảm trong cuộc sống gia đình.

Thuở xưa đức Phật đã dạy cho các Phật tử tại gia biết những điều như vậy. Bây giờ các nhà tư vấn hôn nhân hiện đại cũng khuyên các ông sắp bước vào cuộc sống chung nên áp dụng như vậy. Đổi lại người vợ muốn được chồng thương yêu, bao bọc, che chở và

sống lâu dài với mình thì phải có những ứng xử phù hợp như thế này:

- *Thứ nhất*, nếu người vợ lo việc nhà như đã phân định rõ, người chồng làm ra tiền bạc, người vợ phải làm tốt việc quản lý, điều hành trong nhà. Một người nội trợ tốt biết sắp đặt khéo léo, chu tất công việc trong nhà. Hằng ngày nuôi dưỡng, dạy dỗ, chăm sóc con cái và giữ tổ ấm của gia đình.

- *Thứ hai*, người vợ sẽ là người ngoại giao quan trọng với bà con hai họ và hàng xóm. Nếu mình đối xử không tốt với hàng xóm thì coi chừng rồi ren. Phải đối xử hai họ bên chồng bên vợ cho tốt, khi người ta có dịp ghé thăm mình hoặc mình có dịp về làng hay chỗ họ hàng đang ở thì phải có cách làm như thế nào để mọi người quý trọng và thương mến gia đình mình, chồng mình.

- *Thứ ba*, cũng giống người chồng, người phụ nữ đã có chồng rồi thì không được ngoại tình. Hôn nhân là chuyện riêng tư giữa hai người, nó mang tính sở hữu và ích kỷ. Nếu lỡ sa vào thì khó lòng chung sống với nhau, những mặc cảm về lỗi lầm sẽ đeo theo đến suốt cuộc đời. Do vậy phải đăc đo, thận trọng, cân nhắc khi có tình cảm khác bộc phát trong lòng, mình không làm chủ được, cần phải tỉnh táo, kiểm soát, kiềm chế để không ngoại tình, không có tình cảm ngoài luồng thì hôn nhân mới có thể tồn tại được.

- *Thứ tư*, tiếp theo đó là phải bảo quản tài sản của gia đình hoặc là tài sản của chồng làm ra. Sử dụng tốt tài sản đó là trách nhiệm của người vợ. Không thể tùy hứng, tiêu xài tùy tiện, như hôm nay ăn thiệt ngon, những ngày tiếp theo thì toàn ăn cháo! Cần phải biết tính toán, dè sẻn, tiết kiệm để khi những lúc đau ốm, có việc cần thì có tiền dành dụm mà dùng. Hay khi họ hàng cần mình giúp đỡ, cha mẹ đau ốm cần hỗ trợ thì mình có sẵn để hỗ trợ đúng lúc và hiệu quả. Đức Phật có dạy thế này: “*Một Phật tử tại gia khi kiếm ra được tiền bạc, làm ra được của cải vật chất, cần phải phân chia lợi tức mình kiếm được thành bốn phần: Hai phần để nuôi gia đình, vợ chồng, con cái. Một phần để dành khi cần phải sử dụng, dự phòng như lúc đau ốm, được mời dự cưới hỏi, ma chay, ... tức trả nợ quan hệ cộng đồng. Một phần còn lại là để chia sẻ với người khó khăn hơn mình hay để làm phước, cúng dường, làm từ thiện.*”

- *Thứ năm*, người vợ cần phải siêng năng, chăm chỉ trong các công việc (hầu hết là công việc ở nhà). Khi ta vào nhà một người hoặc một người khách đến thăm nhà mình, chỉ cần liếc nhìn việc sắp đặt trong ngôi nhà, người ta sẽ đánh giá ngay vai trò của người phụ nữ trong nhà. Thậm chí có câu nói thành thói quen: “Nhà không có đàn bà có khác”. Nghĩa là khi ngôi nhà có người đàn bà sẽ được sắp đặt đâu ra đấy đàng hoàng, ngăn nắp, thứ tự, tươm tất. Đa phần đàn

ông theo quan niệm xưa thì không giỏi việc nhà, cho nên kiếm tiền thì được, về nhà hầu như là để vợ làm hết. Dựa vào đó đức Phật có dạy người phụ nữ muốn gia đình mình ấm êm, hạnh phúc thì cần phải chu tất làm tốt công việc chăm sóc, vén khéo, giữ gìn nhà cửa sạch sẽ, trật tự, ngăn nắp. Bây giờ quan niệm xã hội có khác, chuyện làm biếng không ngăn nắp trật tự đó không chỉ riêng nam hay nữ. Su ông có thấy một vài hình ảnh người ta đưa lên mạng xã hội về một sinh viên nữ ở ký túc xá bên Trung Quốc, đồ đạc lộn xộn trong phòng. Hình như nhiều ngày rồi ăn xong không chịu dọn dẹp, rửa sạch. Chăn mền cũng không chịu xếp. Đồ đạc sử dụng xong quăng bừa bãi. Chắc chắn nếu bước qua phòng đó sẽ nồng nặc cái mùi đặc trưng của mốc meo, rác rưởi. Ai có “hân hạnh” nhìn thấy cái đồng chất thải như vậy trong phòng cô sinh viên này chắc hết muốn kết hôn. Chỉ trong suy nghĩ thôi họ cũng đã quay lưng chạy ngay tức khắc.

Nhưng bây giờ những quan niệm như thế đều không còn phù hợp. Xã hội hiện tại của các con, chuyện kiếm tiền hầu như nam hay nữ đều có thể làm được. Đối với chuyện nhà, muốn hai bên không tranh chấp, cãi vã, xung đột thì phải phân định rõ ràng trách nhiệm về công việc. Người đàn ông thời nay khi quyết định bước vào hôn nhân, thì phải biết làm việc nhà và kiếm tiền. Thực tế, các con có thể thấy rằng nếu đàn ông bây giờ không làm được những thứ đó,

thì các cô các bà chia tay ngay. Chứ không phải như ngày xưa xã hội áp đặt rằng ly dị, ly hôn, ly thân bị lên án, bị cạo tóc bôi vôi lên đầu hay ném xuống sông, hoặc bị đuổi ra khỏi xóm làng. Chuyện đó là quá khứ rồi, bây giờ khác. Cho nên, với quan niệm hôn nhân hiện đại, trong đó trách nhiệm và bổn phận của mỗi người cần phải làm rõ, hiểu rõ để làm tốt điều mình cần thực hiện trong cuộc sống chung.

Khi hai người kết hôn xong thời gian sau sẽ có con cái. Đức Phật dạy đối với con cái thì trách nhiệm của cha mẹ sẽ phải thế nào? Ngoài việc nuôi ăn, có những bậc cha mẹ vì công việc nhiều, chỉ biết kiếm tiền về để con cái được hưởng những điều kiện tốt nhất rồi thuê người làm để lo mọi việc. Có người suy nghĩ nông cạn, đơn giản như vậy vì cho rằng làm như thế là xong trách nhiệm với con cái rồi. Bị kịch gia đình phát sinh từ đó. Những đứa con sống trong môi trường không có tình cảm của cha mẹ thì mối liên hệ với cha mẹ chỉ là người cung cấp tiền bạc hoặc vật chất. Bởi thế khi cái đứa con cần không được đáp ứng, đặc biệt đối với gia đình có một con, thì các cậu ấm cô chiêu đó sẵn sàng làm mình làm mẩy, thậm chí to tiếng, hành hung cha mẹ. Có trường hợp khi cha mẹ không đáp ứng được nhu cầu của nó, nó sẵn sàng đánh cha đánh mẹ để lấy tiền bạc. Xã hội chúng ta đã có những trường hợp đó rồi, là do hậu quả của một số cách giáo dục không phù hợp, không đáp ứng đủ và

không uốn nắn ngay từ nhỏ. Đó là trách nhiệm do thiếu sót của cha mẹ.

Đức Phật đã dạy, điều đầu tiên cha mẹ cần giáo dục con cái không phải là kiến thức, không phải là những hiểu biết khác, mà là những hiểu biết về đạo đức. Phải làm cho con cái biết rõ cái gì nên và không nên làm, cái gì có hại cho mình và người, những điều xấu, ác cần phải tránh. Ngược lại phải học những điều hay, điều lành. Giáo huấn đầu tiên mà cha mẹ phải dạy con cái, đó là ngăn ngừa con cái làm những điều xấu ác, độc hại. Mặt khác vừa khuyến khích vừa tự mình làm gương cho con thực hiện các điều tốt, điều thiện lành. Dạy con quan tâm đến người xung quanh, những người đang khổ, khó khăn, cần giúp đỡ, những hoàn cảnh bất hạnh hơn mình. Phải biết cách hành xử đối với người già, trẻ nhỏ. Dạy con là Phật tử thì phải biết tôn kính và thực hành lời dạy của đức Phật và chư Tăng ni như thế nào.

Và cho dù ở trong xã hội nào, việc cần thiết mà người cha người mẹ cần phải làm, trách nhiệm cần phải thực hiện, đó là giúp con có được nghề nghiệp. Việc này hiện nay hầu như đều giao phó cho nhà trường. Các nền giáo dục ở các nước bây giờ chủ yếu là đào tạo cho các học sinh, sinh viên có kiến thức về nghề nghiệp mình đã chọn. Nước ta cũng thế nhưng chương trình giáo dục - đào tạo của ta nặng về lý thuyết hơn thực hành nên hiệu quả hành nghề không



cao. Trong thực tế, học xong ra làm việc lại không có nghề phù hợp. Nhiều bạn sinh viên sau khi tốt nghiệp phải lăn lộn kiếm sống bằng nhiều trải nghiệm thực tế, cuối cùng mới tìm được công việc để kiếm ra tiền, mà nhìn lại thì nó không dính dáng gì đến nghề mình học bao nhiêu năm từ nhà trường. Thuở xưa người ta không học nhiều như vậy; chỉ học cái cần học thôi. Cách đây mấy chục năm, nền giáo dục cả hai miền Nam Bắc đều dạy cái cần cho học sinh, sinh viên để làm nghề sau này, về mặt kiến thức, xã hội và khoa học. Xa hơn nữa thì cha mẹ là người đào tạo nghề cho con. Ví dụ: trong nhà ông nông dân có con, thì nam ra ngoài đồng theo cha tập cày bừa, chăn trâu, nữ theo mẹ làm việc nội trợ trong gia đình, tập nấu nướng, chế biến thức ăn và phục vụ việc nhà, sau đó phụ đồng áng, đi cấy, thu hoạch hoa màu. Ông thợ mộc thì dẫn theo con nhỏ đi làm nghề. Cha dùng búa đục thì con phụ giúp đưa đồ cho cha. Sau này thì học những kỹ thuật chế tác. Nói chung, hầu hết cha mẹ là người trực tiếp dạy nghề cho con ở xã hội ngày xưa. Bây giờ mô hình đào tạo nghề rộng rãi, chúng ta học được nhiều điều ở vô vàn các trường lớp khác nhau. Nói chung về bậc làm cha mẹ hiện tại cũng vậy, phải giúp các con chọn đúng ngành nghề theo sở thích hay năng khiếu.

Ở xã hội Tây phương, đặc biệt ở Mỹ, dù là con của những ty phú hoặc thế gia vọng tộc đi chăng nữa, hầu hết các bậc cha mẹ chỉ trách nhiệm đối với con

cái đến mười tám tuổi (học xong trung học phổ thông), sau đó có quyền học tiếp các trường đại học là do tự thân của người con quyết định, chọn lựa. Trước đó, học sinh đã bắt đầu tìm việc làm thêm bên ngoài để chuẩn bị làm quen với cuộc sống, chuẩn bị kiếm tiền để khi vào đại học trang trải mọi chi phí. Các trường hợp sinh viên có khó khăn tài chính học tập thì chính phủ cho vay tiền, cho mượn tiền với lãi suất rất nhẹ hoặc không lấy lời. Sau khi ra trường làm việc có thu nhập thì theo quy định một số năm phải trả lại tiền cho chính phủ. Tức là việc học của họ ở đại học là do tự thân họ kiếm ra chi phí để học. Cha mẹ chỉ có trách nhiệm đến mười tám tuổi thôi. Giáo dục của ta khiếm khuyết trong việc trang bị hoặc huấn luyện, đào tạo, dạy dỗ đủ cho người học các kiến thức cần thiết về xã hội, đạo đức xã hội, cách ứng xử giữa người và người, giữa người với thế giới xung quanh và môi trường sống. Vì thế dẫn đến các tác hại rất lớn.

Ở Việt Nam hay các nước Đông phương, hầu hết cha mẹ bảo bọc con từ mẫu giáo đến hết Đại học, thậm chí lo cho đến Cao học luôn, vì thế gánh nặng cha mẹ rất lớn. Mặt khác khi đầu này phát triển lớn thì đầu kia bị thu hẹp lại, những người con đó khả năng tự tồn tại rất là yếu kém. Thế hệ trẻ ngày xưa khi lên mười lăm, mười sáu tuổi đã bắt đầu tự lập mọi chuyện trong nhà; còn bây giờ ở Việt Nam mình, thậm chí nhiều trường hợp buổi sáng mẹ còn phải kêu dậy đi

học, áo quần đi học về quăng ra đó để mẹ hay bà giặt chứ không tự mình giặt đồ được. Đó là những khiếm khuyết trong cách giáo dục của chúng ta.

Thêm một cái nữa, ngày xưa là điều bình thường, nhưng bây giờ chỉ còn tại một số gia đình, đó là các bậc cha mẹ chọn nơi phù hợp, xứng đáng để dựng vợ gả chồng cho con cái. Ngày nay thì ngược lại, số đông con cái đã tự lập khế ước với nhau rồi mới dẫn về nhà ra mắt, cha mẹ đành phải chấp nhận thôi. Hai cách làm này nó đưa đến một cái gì? Cách làm ngày xưa thì ổn định, không bị xáo trộn. Còn thời nay thì tự do, phóng khoáng. Do đó, những tổ ấm gia đình này không tồn tại được lâu dài, hầu hết như lửa rơm, bùng lên nhanh chóng rồi sau đó tàn lụi cũng rất nhanh. Ngày xưa đã lập gia đình là sống với nhau trọn đời. Bây giờ vừa “sống thử” trước hôn nhân hay lập gia đình xong sau vài năm lại chia tay, rồi có thể lập gia đình thứ hai và thậm chí lần thứ ba, mà người ta vẫn chưa học ra bài học trong hôn nhân. Đó chính là bất cập của quan điểm hôn nhân bây giờ.

Và điều cuối cùng Ngài dạy trách nhiệm của cha mẹ với con cái là phải giao quyền thừa kế hoặc thừa hưởng gia sản đúng lúc. Đây là hồi xưa khi tiền bạc, của cải dòng tộc phải có người thừa kế. Đặc biệt là đối với người con trai khi đến tuổi trưởng thành thì phải giao trách nhiệm cho nó chăm sóc và phát triển của cải của gia đình, của dòng tộc. Đó là vừa trách

nhiệm của thế hệ trước đối với thế hệ sau, vừa là trách nhiệm của cha mẹ đối với con cái.

Như vậy, trách nhiệm trong hôn nhân dưới cái nhìn của đạo Phật là trách nhiệm của người chồng đối với vợ, người vợ đối với chồng, cha mẹ đối với con cái. Hạnh phúc gia đình chỉ có thể có khi chúng ta làm được tốt gần như tất cả những điều của đức Phật dạy. Với xã hội đương đại, chúng ta có một số thay đổi nhất định cho phù hợp. Hiện tại việc thừa kế thì không có mấy, vì đời nào làm xong ăn đời đó, lấy đâu mà thừa. Thậm chí những gia đình để lại của cải nhiều, tài sản nhiều thì sinh ra bất hòa giữa anh em. Sự ông ví dụ: gia đình có nguồn tiền của thân nhân ở nước ngoài gửi về làm cho anh em trở mặt với nhau vì chia không đồng đều. Hay có những khu đất được đền bù, giải phóng, quy hoạch làm các dự án thì bắt đầu đất lên giá. Cha mẹ có được miếng đất chừng một trăm, một ngàn mét vuông được giá thì bán luôn. Khi chia phần có người thì nói công mình nhiều sao lại cho ít thế này, phân bì, so đo với nhau dẫn đến tình cảm bị sứt mẻ. Khi được chia số tiền lớn trong tay, nhiều người không biết chi tiêu cho đúng để có lợi, mà sử dụng tiền phung phí không đúng chỗ. Hậu quả của vấn đề này là tai họa xảy ra như sa vào cờ bạc, ma túy, nghiện hút. Có những vùng dân tộc thiểu số khi họ có nhiều tiền, trước đó chưa bao giờ biết đi xe nhưng vẫn chạy xuống phố mua một chiếc xe mới, từ xe máy đến ô tô. Có rồi thì mới bắt đầu tập tành lái.

Thế là tai nạn xảy ra thường xuyên. Ô tô chạy một đoạn thì lao xuống hố, xe máy chạy một đoạn thì phi lên núi. Có rất nhiều trường hợp thương tâm xảy ra khi có số tiền lớn trong tay mà không biết kiểm soát cũng như xử lý đồng tiền cho đúng; và hậu quả tai hại phát sinh là điều không thể tránh.

## **5. Cách giữ gìn, nuôi dưỡng hạnh phúc.**

Sau khi chúng ta đã được biết về những trách nhiệm trong hôn nhân, tiếp theo cần biết làm sao để nuôi dưỡng được hạnh phúc gia đình? Làm thế nào gia đình khi nóng, khi lạnh nhưng sau những sóng gió đó vẫn khăng khít với nhau, vẫn chung đường với nhau, không bị đổ vỡ? Làm sao để sau này cho dù con cái có gia đình đi nữa thì vẫn có hình bóng cha mẹ, tình cảm cha mẹ, mọi thứ của cha mẹ vẫn là chỗ dựa cho mình, để mình truyền lại cho con cái thế hệ sau? Đây là một bí quyết trong hôn nhân, muốn duy trì tốt đẹp thì phải thực hành theo lời đức Phật dạy.

Muốn giữ hạnh phúc gia đình, muốn tạo được êm ấm trong cuộc sống hôn nhân, ngoài việc thực hiện các bổn phận và trách nhiệm thì phải có liệu pháp. Hôn nhân về mặt tích cực đó là tế bào tạo ra cuộc sống xã hội, nhưng tế bào có lúc bị đổ bệnh, cho nên cần phải có liệu pháp để giúp cho nó khỏe mạnh, tồn tại và phát triển. Ngài dạy, muốn cuộc sống hôn nhân hạnh phúc và giảm bớt xung đột thì những

người trong cuộc phải thường xuyên *thực hành tâm từ ái, thực hành hỷ xả*. Từ ái là thương yêu, quan tâm đến nhau, thương tưởng đến người đang gặp khó khăn, đau khổ. Hỷ xả là chia sẻ niềm vui, sự thành công của người khác và không chấp nhất, buông bỏ tất cả những phiền não, bận tâm, xung đột hoặc những tổn thương nếu có. Không phải chỉ thực hành nhất thời mà phải thường xuyên, nghĩa là hằng ngày phải nuôi dưỡng cái tâm niệm đó.

Sau khi kết hôn một thời gian, cuộc sống chung giữa hai người dần dần sẽ bộc lộ những mặt “tối” mà trước đây khi đang say mê, luyến ái nhau không thấy ra. Một số thói quen riêng gây khó chịu cho người khác, các khiếm khuyết của thân thể lần hồi xuất hiện, cách ứng xử nói năng không phù hợp ở một số tình huống của người bạn đời khiến người kia bất bình,... Rồi khi phụ nữ mang thai, tâm sinh lý thay đổi bất thường, nếu người đàn ông không đủ tinh tế, thiếu quan tâm đến tình trạng thai nghén của vợ, hoặc lơ là không chăm sóc vợ, sẽ khiến người phụ nữ bị ức chế, bị trầm uất, ảnh hưởng rất lớn đến thai nhi và bản thân của người mẹ sau khi sinh. Các chứng hậu sản của phụ nữ xuất phát từ đó. Một số phụ nữ không vượt qua được trở nên điên loạn, mất trí hoặc tự tử.

Đối với thời đại trước đây, trụ cột kinh tế và đối ngoại của gia đình thường do người đàn ông gánh vác. Đàn bà lo chăm sóc nhà cửa, nuôi nấng dạy dỗ

con cái, phụng dưỡng cha mẹ chồng. Phân công trách nhiệm ngày xưa khá rõ ràng, cụ thể. Nhưng hiện nay, nữ giới cũng được học hành như nam giới cho nên vai trò, vị trí trong xã hội không còn bị cách biệt nhiều như trước. Việc đi làm kiếm tiền mưu sinh lo cho gia đình, con cái do vậy cũng được chia đều cho cả hai. Tuy nhiên, hầu hết trong các gia đình ở nước ta vẫn còn tồn tại một tập quán rất đáng phê phán, cần thay đổi, đó là *bệnh gia trưởng* của người đàn ông và việc không có thói quen làm việc nhà của một số ông chồng. Người phụ nữ sau khi đi làm về, phải lo tất tặn tất mọi việc lớn nhỏ trong nhà, từ quét dọn lau chùi, nấu nướng các bữa ăn, giặt giũ áo quần, rửa chén bát,... trong khi một số ông chồng ngồi lướt máy tính, smartphone chờ vợ “cơm bung nước rót”. Trong hoàn cảnh lặp đi lặp lại từ ngày này sang ngày khác như thế, người phụ nữ không oán thán, ức chế tâm lý mới là lạ!

Để giải quyết các xung đột, mâu thuẫn, sàu khổ, nội tâm của đời sống vợ chồng, hãy thường xuyên nuôi dưỡng lòng yêu thương, cảm thông như đức Phật đã chỉ dạy. Đó là thực hành tâm từ, đối với người bạn đời, đối với con cái, đối với cha mẹ hai bên. Vui vẻ tha thứ, tức là tâm hỷ xả với những khiếm khuyết, lỗi lầm của họ. Đồng thời cũng dứt khoát, buông xả ngay các tâm niệm trách móc, oán hờn, căm phẫn hiện khởi trong tâm mình. Chỉ bằng phong thái đó, chúng ta

mới vượt qua sóng gió, phiền não của cuộc sống gia đình. Thực hành tâm từ ái và hỷ xả để nuôi dưỡng hạnh phúc gia đình được diễn đạt như vậy.

Chúng ta có thể đúc kết như thế này, đời sống gia đình thông qua hôn nhân sẽ là tổ ấm hay lò lửa hoàn toàn tùy thuộc vào nhận thức, hiểu biết và ứng xử của cả hai vợ chồng. Do vậy người Phật tử cần phải học hỏi ý nghĩa của hôn nhân để biết rằng bên cạnh việc hưởng thụ hạnh phúc, niềm vui của cuộc sống vợ chồng, còn có rất nhiều trách nhiệm phải chu toàn. Có như thế gia đình mới êm ấm, thuận hòa, là chỗ trú ẩn bình an giữa dòng chảy cuồng loạn của xã hội ngoài kia.

*Khóa tu học mùa hè lần thứ 12, năm 2019*